TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 208/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2018
V/v :"Tranh chấp: ly hôn, con chung, chia tài sản chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Xuân Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2018/TLST – HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp "Ly hôn, con chung, tài sản chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2018/QĐXX-HN ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Đặng Đình T1, sinh năm 1992
Địa chỉ: Xóm M, thôn Đ, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Xuân T2, sinh năm 1992
Địa chỉ: thôn T, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
1. Vợ chồng ông Đặng Đức T3, sinh năm 1965
Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1967
Địa chỉ: Xóm M, thôn Đ, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định.
2. Chị Đặng Thị Hồng S2, sinh năm 1989
Địa chỉ: Đường K, phường 4, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Vợ chồng Huỳnh Văn T4, sinh năm 1967
Nguyễn Thị T5, sinh năm 1968

4. Vợ chồng anh Nguyễn Thanh T6, sinh năm 1973
Chị Bùi Thị N, sinh năm 1974
5. Vợ chồng anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1982
Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976
Cùng địa chỉ: thôn T, xã M, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Đặng Đình T1 trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Xuân T2 tự tìm hiểu khoảng 05 năm, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Nhơn Mỹ vào ngày 23/02/2016.

Sau khi cưới, vợ chồng sống cùng gia đình anh tại thôn Đại Bình, xã Nhơn Mỹ, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ mới sinh con, con bị đẹn, mẹ con anh qua phía nhà vợ định lễ đẹn cho con thì vợ không đồng ý, giữa 02 bên có lời qua tiếng lại, vợ to tiếng với mẹ anh nên mẹ con anh bỏ về, sau đó vợ chồng ít liên lạc với nhau. Con được 3 tháng 10 ngày thì anh có nói vợ về nhưng vợ không chịu về. Nay không còn tình cảm với T2 nên yêu cầu được ly hôn.

Con chung: có 01 cháu trai tên Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017, hiện đang ở với T2. Ly hôn, anh yêu cầu giao con cho chị T2 tiếp tục nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 300.000đ. Thời gian vợ con ở bên phía vợ thì anh có đến thăm con, mỗi lần đến có cho 300.000đ đến 500.000đ, đưa tiền được khoảng 9-10 lần.

Tài sản chung: Tháng 8/2016, mua 01 dàn karaoke lưu động mới trị giá 120.000.000đ gồm: 06 loa, 02 cục đẩy, 01 lọc tiếng, 2 micro, 01 bàn mixer, 01 tivi, 01 đầu Karacossrver, 01 ổn áp; 01 cái rơmooc trị giá 7.000.000đ, sau đó bán rơmooc thêm tiền mua 01 xe lôi 33.000.000đ, hiện anh đang quản lý tất cả tài sản này; Nguồn tiền mua là do bán vàng cưới và vay cha, mẹ đẻ (Đặng Đức T3, bà Nguyễn Thị S1) 01 cây vàng y, mượn Đặng Thị Hồng S2 05 chỉ vàng y và 20.000.000đ, đã trả cho chị S2 20.000.000đ, hiện còn nợ chị S2 05 chỉ vàng y hiệu Ngọc Thủy (Nhơn Hậu). Ly hôn, yêu cầu chia đôi nợ và tài sản, anh nhận hiện vật và thối lại ½ giá trị cho chị T2.

** Theo bản tự khai, biên bản ghi lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án* bị *đơn chị Nguyễn Thị Xuân T2 trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của anh T1 về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: do con trai tên Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017, bị thoát vị bẹn, giữa tháng 3/2017 phải phẫu thuật, khi xuất viện về được 01 ngày, mẹ chồng đến thăm thấy có xơ trong miệng nói muốn lễ đẹn cho cháu, chị không đồng ý vì bác sĩ dặn: không để con khóc, giãy dụa sẽ động đến vết thương, mẹ chồng và chồng làm to chuyện, chửi bới rồi bỏ về, do đó chị bị hậu sản. Trong thời gian đau ốm chị liên lạc điện thoại nhưng anh T1 không trả lời, cũng không quan tâm gì nên không liên lạc gì nữa, từ đó vợ chồng xa nhau đến nay. Hiện không còn tình cảm với anh T1 nên đồng ý ly hôn.

Con chung tên Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017, hiện đang ở với chị. Ly hôn, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Tài sản chung: tháng 7/2016, mua 01 dàn karaoke lưu động 120.000.000đ gồm: 06 loa, 02 cục đẩy, 01 lọc tiếng, 2 micro, 01 bàn mixer, 01 tivi, 01 đầu Karacossrver, 01 ổn áp; 01 xe lôi 32.000.000đ, hiện anh T1 đang quản lý. Nguồn tiền mua là do vay mượn của mẹ, chị chồng và bán vàng cưới mà có. Ly hôn, yêu cầu chia đôi, anh T1 nhận hiện vật và thối lại ½ giá trị cho chị.

Nợ chung: Nợ vợ chồng ông Đặng Đức T3, bà Nguyễn Thị S1 01 cây vàng y, chị Đặng Thị Hồng S2 05 chỉ vàng y. Tháng 3/2017 AL, chị tự mượn chị Bùi Thị N 20.000.000đ; Ngày 5/5/2017 AL, mượn bà Nguyễn Thị D 10.000.000đ; Tháng 6/2017 AL, mượn bà Nguyễn Thị T5 7.000.000đ, mục đích mượn 03 khoản tiền trên là để chữa bệnh sản hậu cho chị và chi phí nuôi con, vì chị đau ốm ở nhà chăm con nên không có thu nhập, còn chồng thì không đưa tiền nên phải mượn để chi phí.

Ly hôn, yêu cầu mỗi người trả ½ khoản nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Vợ chồng Đặng Đức T3, Nguyễn Thị S1 trình bày**:** Vào tháng 7/2016 vợ chồng T1 – T2 có mượn của vợ chồng ông bà 01 cây vàng y, hiệu Ngọc Diệp (02 chiếc lách, mỗi chiếc 5 chỉ vàng) mục đích để mua dàn karaoke di động, mượn không viết giấy tờ gì. Nay vợ chồng T1 – T2 ly hôn thì yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm trả 01 cây vàng y

2/ Vợ chồng anh Nguyễn Thanh T6 + Chị Bùi Thị N trình bày: Khoảng tháng 3/2017 AL, cho T2 mượn 20.000.000đ để chữa bệnh sản hậu, do quen biết nên không có viết giấy tờ gì, lúc đưa tiền có cha mẹ của T2 chứng kiến, mượn không có tính lãi. Nay chị T2 và anh T1 ly hôn, yêu cầu cả vợ chồng T2 – T1 có trách nhiệm trả 20.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

3/ Vợ chồng anh Nguyễn Hồng P + Chị Nguyễn Thị D trình bày:

Khoảng tháng 5/2017 AL, cho chị T2 mượn 10.000.000đ, không có tính lãi, mục đích để mua thuốc bắc uống trị bệnh sản hậu, do quen biết nên không có viết giấy tờ gì, lúc đưa tiền không có ai chứng kiến, nay T2 chưa trả khoản tiền nào, yêu cầu T2 có trách nhiệm trả 10.000.000đ vì T2 là người mượn tiền, không yêu cầu tính lãi.

4/ Vợ chồng anh Huỳnh Văn T4 + Chị Nguyễn Thị T5 trình bày**:** Tháng 7/2017 có cho chị T2 mượn 7.000.000đ, không có tính lãi, không viết giấy nợ, để chữa bệnh sản hậu, đến nay T2 chưa trả, nay yêu cầu vợ chồng T1 - T2 cùng trả số nợ trên, không yêu cầu tính lãi.

5/ Chị Đặng Thị Hồng S2 trình bày**:**

Ngày 26/7/2016 AL, T1 có điện thoại hỏi mượn của chị 5 chỉ vàng y, mục đích để vợ chồng mua dàn karaoke di động, chị bảo mẹ đẻ (Nguyễn Thị S1) đưa vàng của chị mà mẹ giữ cho vợ chồng T1 - T2. Vì là chị em nên không có viết giấy tờ gì, mượn không có tính lãi. Nay vợ chồng T1 – T2 ly hôn thì chị yêu cầu cả hai cùng có trách nhiệm trả 05 chỉ vàng y, không yêu cầu tính lãi.

* Tại phiên tòa hôm nay: các đương sự vẫn giữ nguyên lời khai và yêu cầu của mình. Chị T2 không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:* Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T1 và chị T2. Về con chung đề nghị Tòa giao cháu Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017 cho chị T2 tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T1 vì chị T2 không yêu cầu.

Về tài sản chung: giao toàn bộ tài sản chung trị giá 90.000.000đ cho anh T1 sở hữu, anh T1 phải thối ½ giá trị tài sản cho chị T2. Xác định nợ chung gồm: vợ chồng ông Đặng Đức T3 và bà Nguyễn Thị S1 01 cây vàng y, chị Đặng Thị Hồng S2 05 chỉ vàng y hiệu Ngọc Thủy, vợ chồng ông Nguyễn Thanh T6 + bà Bùi Thị N 20.000.000đ; vợ chồng ông Nguyễn Hồng P + bà Nguyễn Thị D 10.000.000đ; vợ chồng ông Huỳnh Xuân Tư + bà Nguyễn Thị T5 7.000.000đ, cả hai cùng chịu trách nhiệm trả.

Về án phí đề nghị Tòa áp dụng điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc chị T2, anh T1 phải chịu án phí Hôn nhân, án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Anh Đặng Đình T1 có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết ly hôn, con chung và tài sản chung với chị Nguyễn Thị Xuân T2 nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp: "Ly hôn, con chung và tài sản chung"; Bị đơn đang cư trú tại thị xã A, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 các Điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã A. Các ông bà: Nguyễn Hồng P, Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Thị D, Đặng Thị Hồng S2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hợp lệ nên được chấp nhận, còn các đương sự khác có mặt tại phiên Tòa.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Anh Đặng Đình T1 và chị Nguyễn Thị Xuân T2 tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 23/02/2016, hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp.

[2.1.2] Do kết hôn khi tuổi đời còn quá trẻ, chưa có kinh nghiệm xử lý những vấn đề phát sinh trong đời sống vợ chồng, chỉ vì thiếu kiến thức trong trong chăm sóc sức khỏe trẻ sơ sinh nên con chung là Đặng Tấn L, phải phẫu thuật thoát vị bẹn khi mới 01 tháng tuổi, xuất viện được một ngày mà anh T1 cùng mẹ đẻ là Nguyễn Thị S1 muốn lễ đẹn cho cháu, chị T2 không đồng ý vì sợ khi lễ đẹn cháu dãy dụa, khóc sẽ ảnh hưởng đến vết mổ. Lẽ ra bà S1 và anh T1 phải thấy được việc làm này của mình không đúng, gây nguy hiểm cho cháu nhưng lại cố chấp, to tiếng với chị T2 trong lúc nhà vắng người nên làm chị lo sợ, hoảng loạn. Do mới sinh sức khỏe chưa hồi phục, lại gặp khủng hoảng tình cảm với chồng và gia đình chồng nên hậu quả dẫn đến là chị T2 bị sản hậu phải chạy chữa một thời gian dài.

Là người chồng, người cha, hơn nữa cả hai gia đình sinh sống gần nhau, mặc dù biết chị T2 đau ốm nhưng anh T1 và gia đình anh thiếu trách nhiệm, bỏ mặc mẹ con chị T2, không cùng lo chữa bệnh cho chị và phụ giúp chăm sóc con nhỏ. Khi con đủ 12 tháng tuổi anh T1 đã vội khởi kiện Ly hôn.

Nay cả hai xét thấy không còn tình cảm, không thể chung sống hạnh phúc nữa nên thỏa thuận ly hôn.

[2.1.3] Xét thấy mâu thuẫn giữa hai anh, chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa công nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con trai con chung là Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017, hiện đang ở với chị T2.

Xét thấy hiện cháu L chỉ mới được 17 tháng tuổi, đang ở với mẹ, được chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, chị T2 và anh T1 thỏa thuận giao con cho chị T2 tiếp tục dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa công nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa chị T2 tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T1.

[2.3] Về tài sản chung:

[2.3.1] Cả hai thống nhất: có 01 dàn Karaoke di động và 01 xe lôi, cả hai thống nhất tổng trị giá 90.000.000đ, hiện anh T1 đang quản lý.

[2.3.2] Cả hai thống nhất các khoản nợ: vợ chồng ông Đặng Đức T3 và bà Nguyễn Thị S1 01 cây vàng y hiệu Ngọc Diệp; chị Đặng Thị Hồng S2 05 chỉ vàng y hiệu Ngọc Thủy. Đây là số nợ chung của vợ chồng nên cả hai cùng có trách nhiệm trả.

[2.3.2] Các khoản nợ không thống nhất: Chị T2 nại rằng tháng 3/2017AL, chị mượn bà Bùi Thị N 20.000.000đ; Ngày 5/5/2017AL, chị mượn bà Nguyễn Thị D 10.000.000đ; Tháng 6/2017AL, chị mượn bà Nguyễn Thị T5 7.000.000đ để chữa bệnh sản hậu cho chị và nuôi con vì anh T1 thiếu trách nhiệm, không thăm nom, chăm sóc từ ngày sinh con đến nay nên chị không có thu nhập phải vay các khoản nợ này; Còn anh T1 không đồng ý với 03 khoản nợ này vì cho rằng chị T2 mượn không thông qua anh, các bà Bùi Thị N, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị T5 thống nhất hoàn toàn như lời trình bày của chị T2 .

Xét thấy: Qua kết quả xác minh thấy rằng sau khi vợ chồng mâu thuẫn, chị T2 bị bệnh sản hậu một thời gian dài, chi phí điều trị tốn kém, lại phải nuôi con nhỏ, trong 17 tháng qua anh T1 bỏ mặc chị tự xoay xở, không quan tâm, thăm hỏi động viên, chỉ đưa tổng cộng khoảng 3.000.000đ, vì đau ốm lại phải chăm sóc con nên chị không thể đi làm để có thu nhập, phải vay tiền để điều trị bệnh và nuôi con là sự thật, nhưng do vợ chồng đã mâu thuẫn, không liên lạc được với anh T1 nên chị T2 không thể bàn bạc việc vay tiền để chi dùng cho mục đích chữa bệnh và nuôi con được, chị T2 vay tiền trong thời kì hôn nhân để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 30 Luật Hôn nhân gia đình "Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình"; Do đó anh T1, chị T2 cùng

phải chịu trách nhiện trả các khoản nợ cho các ông bà: vợ chồng ông Nguyễn Thanh T6 + bà Bùi Thị N 20.000.000đ; vợ chồng ông Nguyễn Hồng P + bà Nguyễn Thị D 10.000.000đ; vợ chồng ông Huỳnh Xuân Tư + bà Nguyễn Thị T5 7.000.000đ. Ghi nhận sự tự nguyện của các chủ nợ không yêu cầu tính lãi.

Áp dụng khoản 2 Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình lấy phần tài sản chung của vợ chồng, trừ đi số nợ phải trả, còn lại chia đôi mỗi người ½.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T2 và anh T1 mỗi người phải chịu 150.000đ.

[3.2] Án phí chia tài sản chung: Chị T2 và anh T1 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% trên giá trị tài sản được chia và 5% giá trị nghĩa vụ trả nợ: 5% (26.500.000đ +7,5 chỉ vàngđgiá 3.300.000đ) = 2.562.500đ.

Lệ phí định giá: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Anh T1, chị T2 mỗi người phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 27, 30, 55, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5; Điểm b Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đặng Đình T1 và chị Nguyễn Thị Xuân T2.

2/ Con chung: có 01 con trai con chung là Đặng Tấn L, sinh ngày 01/02/2017, hiện đang ở với chị T2, giao cho chị T2 tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đặng Đình T1 do chị Nguyễn Thị Xuân T2 không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Tài sản chung:

3.1/ Có 01 dàn Karaoke di động và 01 xe lôi tổng trị giá 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng), hiện anh Đặng Đình T1 đang quản lý. Giao tất cả các tài sản này cho anh Đặng Đình T1 sở hữu.

3.2/ Buộc anh Đặng Đình T1 phải có trách nhiệm trả nợ cho những người sau đây:

- Vợ chồng ông Nguyễn Thanh T6 + bà Bùi Thị N 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);

- Vợ chồng ông Nguyễn Hồng P + bà Nguyễn Thị D 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- Vợ chồng ông Huỳnh Xuân T4 + bà Nguyễn Thị T5 7.000.000đ (bảy triệu đồng)

3.3/ Buộc anh Đặng Đình T1 và chị Nguyễn Thị Xuân T2 mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ cho:

- Vợ chồng ông Đặng Đức T3 + bà Nguyễn Thị S1 05 (năm) chỉ vàng 24kara hiệu Ngọc Diệp (Đập Đá);

- Chị Đặng Thị Hồng S2 2,5 chỉ (hai chỉ rưỡi) vàng 24kara hiệu Ngọc Thủy.

3.4/ Buộc anh Đặng Đình T1 phải có trách nhiệm giao cho chị Nguyễn Thị Xuân T2 số tiền 26.500.000đ (hai mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

4/ Án phí sơ thẩm, lệ phí:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: anh Đặng Đình T1 và chị Nguyễn Thị Xuân T2 mỗi người phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: anh Đặng Đình T1 và chị Nguyễn Thị Xuân T2 mỗi người phải chịu 2.562.500đ. Tổng cộng mỗi người phải chịu phải chịu 2.712.500đ (hai triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng); anh Đặng Đình T1 được khấu trừ vào 2.300.000đ (hai triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai số 00008577 ngày 08/3/2018, còn phải nộp thêm 412.500đ (Bốn trăm mười hai nghìn năm trăm đồng)

Lệ phí định giá: 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Anh T1, chị T2 mỗi người phải chịu 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), anh T1 đã nộp tạm ứng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) nên chị T2 phải hoàn trả cho anh T1 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Dung